



I- TÍN DỤNG
II- NGÂN HÀNG

TÍN
DỤNG
VÀ
NGÂN
HÀNG

I- TÍN DỤNG

1- Khái niệm tín dụng

Tín dụng là khái niệm thể hiện mối quan hệ giữa người cho vay và người vay. Trong quan hệ này, người cho vay có nhiệm vụ chuyển giao quyền sử dụng tiền hoặc hàng hóa cho vay cho người đi vay trong một thời gian nhất định. Người đi vay có nghĩa vụ trả số tiền hoặc giá trị hàng hóa đã vay khi đến hạn trả nợ có kèm, hoặc không kèm theo một khoản lãi.

2- Lý giải nguồn gốc ra đời

3- Hình thức hoạt động



I- TÍN DỤNG

1- Khái niệm tín dụng

Tín dụng có vị trí quan trọng đối với

việc tích tụ, tập trung các nguồn vốn

để đầu tư phát triển kinh

doanh.

Phân loại tín dụng:

Mục đích sử dụng vốn:

tạm thời nhận rồi để phát triển kinh

doanh.

• Tín dụng sản xuất và lưu thông hàng

hóa

• Tín dụng trung hạn

• Tín dụng dài hạn

• Tín dụng trong tiêu dùng

Đối tượng tín dụng:

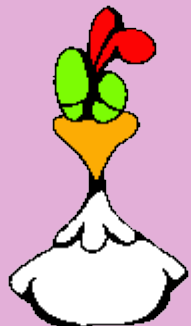
• Tín dụng hàng hóa

• Tín dụng vốn cố định

• Tín dụng vốn lưu động

• Tín dụng thương mại

• Tín dụng nhà nước



I- TÍN DỤNG

1- Khái niệm tín dụng

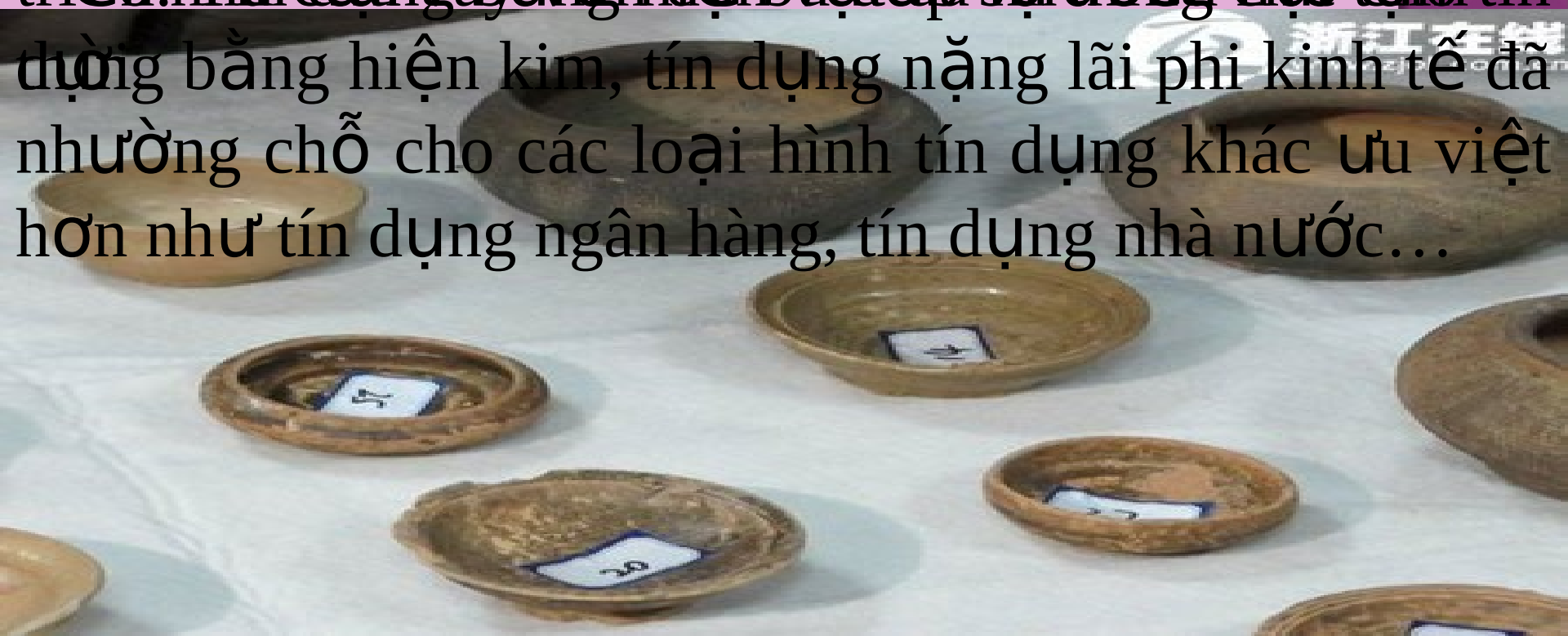
➔ Có thể hiểu Tín dụng là việc sử dụng vốn, tài sản của người khác bằng uy tín, tín nhiệm của người sử dụng.



TÍN DỤNG

2- Lý giải nguồn gốc ra đời của Tín dụng

Để giải thích nguồn gốc ra đời của tín dụng, cần phải đi từ những nhu cầu thực tế của con người. Trong quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa ra đời, có sự tồn tại và phát triển của các điều kiện kinh tế phát triển. Như chúng ta đã biết, vật tấp sự thối rữa tạo ra tín dụng bằng hiện kim, tín dụng nặng lãi phi kinh tế đã nhường chỗ cho các loại hình tín dụng khác ưu việt hơn như tín dụng ngân hàng, tín dụng nhà nước...



TÍN DỤNG

2- Lý giải nguồn gốc ra đời của Tín dụng

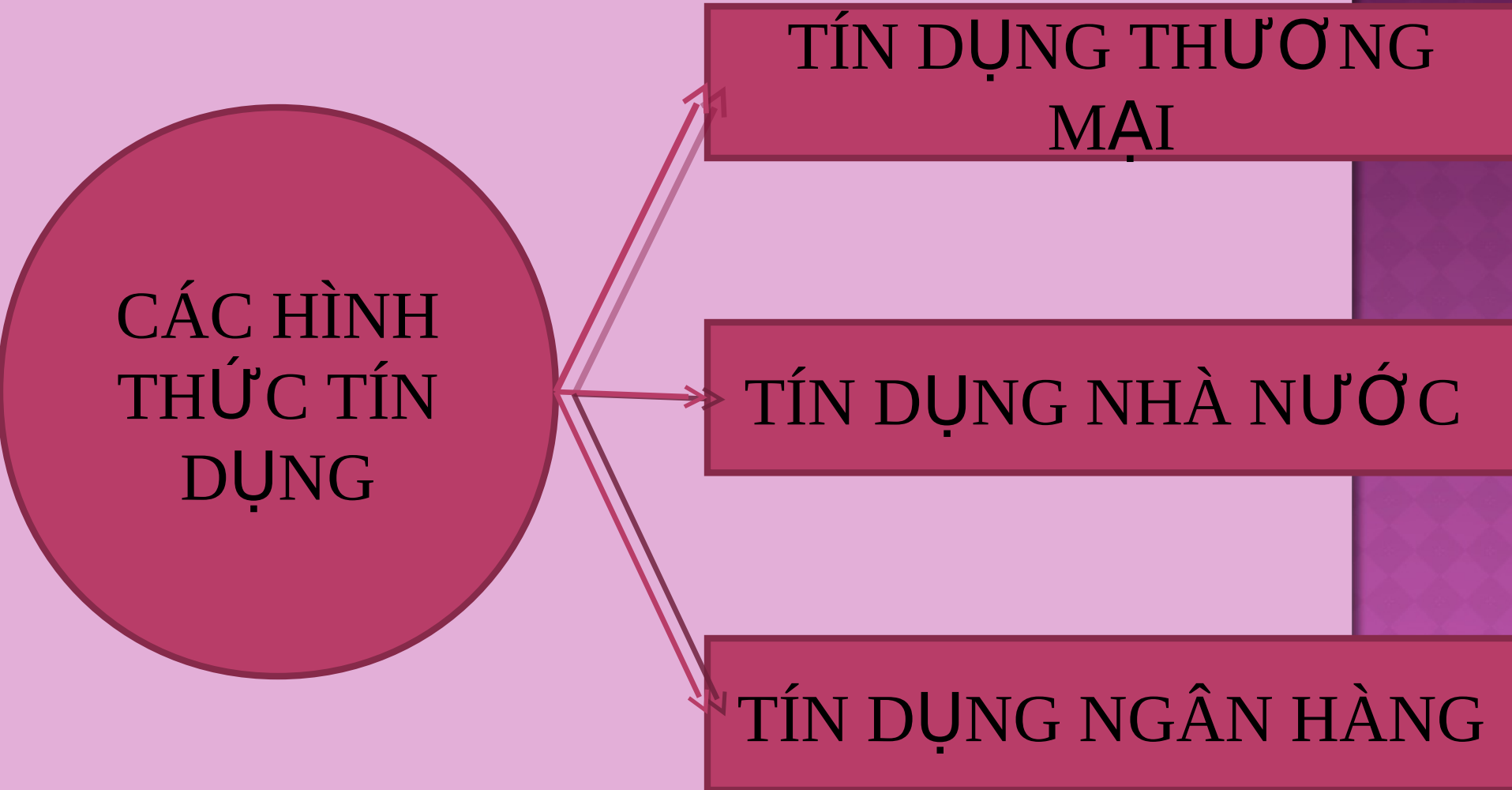
Bản chất của Tín dụng là Tín dụng:

Bản chất của tín dụng được thể hiện theo hai khía cạnh
→ Tín dụng là hệ thống quan hệ kinh tế phát sinh giữa người đi vay về nay (người cho vay) theo quan hệ kinh tế vốn tiền tệ được vận động từ chủ thể này sang chủ thể khác để sử dụng cho các nhu cầu khác nhau trong nền kinh tế xã hội.

→ Tín dụng được coi là một số vốn, làm bằng hiện vật hoặc bằng hiện kim vận động theo nguyên tắc hoàn trả, đã đáp ứng cho các nhu cầu của các chủ thể tín dụng.

I- TÍN DỤNG

3- Hình thức hoạt động



I- TÍN DỤNG

3- Hình thức hoạt động

Tín dụng thương mại là hình thức tín dụng giữa các nhà tư bản trực tiếp kinh doanh, mua bán chịu hàng hóa với nhau.



I- TÍN DỤNG

3- Hình thức hoạt động

b) Tín dụng nhà nước

Công cụ tín dụng nhà nước là quan hệ tín dụng giữa một bên là Nhà nước (bao gồm Chính phủ, Tổng và phòng kế, chính là trái phiếu địa phương.....) với các đơn vị và cá nhân trong xã hội. Đặc điểm chủ yếu là Nhà nước đứng ra huy động vốn của các tổ chức và cá nhân bằng cách phát hành trái phiếu để sử dụng nhằm mục đích chung của toàn xã hội.



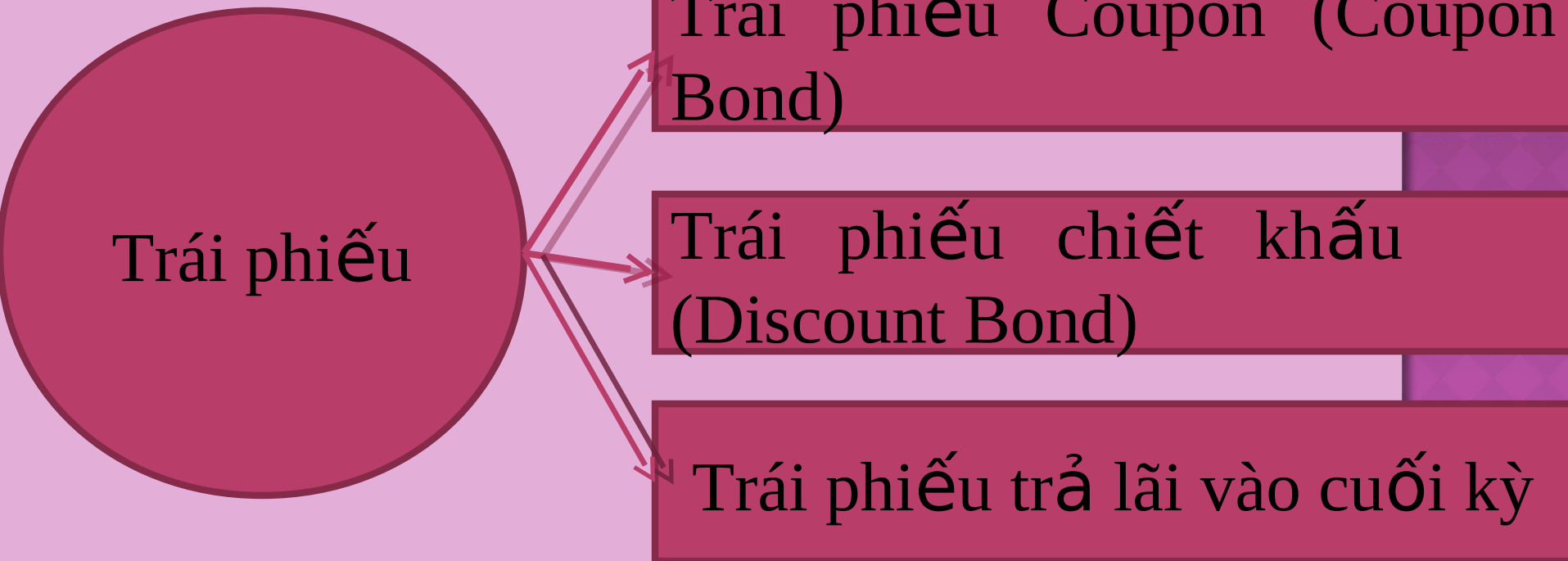
I- TÍN DỤNG

3- Hình thức hoạt động

b) Tín dụng nhà nước

Phân loại trái phiếu:

Xét theo cách tính và trả lãi cho trái phiếu

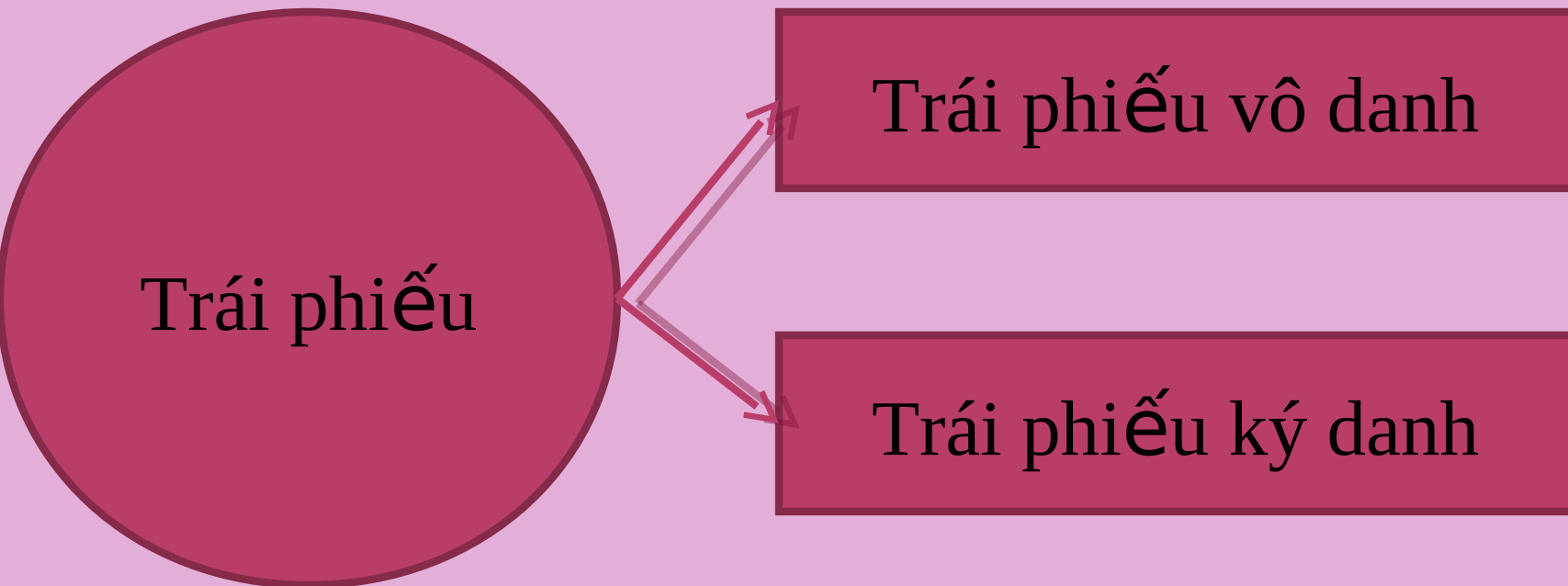


I- TÍN DỤNG

3- Hình thức hoạt động

b) Tín dụng nhà nước

Xét theo tính chất chuyển nhượng



I- TÍN DỤNG

3- Hình thức hoạt động

b) Tín dụng nhà nước

Ưu nhược điểm của tín dụng nhà nước:

Nhược điểm:

- Đẩy tới hạn và đơn vị tài chính nhà nước, dựa trên tài trợ kỹ thuật ngân hàng hiện đại;
- Góp phần giải quyết nhu cầu vốn của các doanh nghiệp, nhưng không thể từ chối ngoài;
- Tạo điều kiện cho các ngân hàng.



I- TÍN DỤNG

3- Hình thức hoạt động

c) Tín dụng ngân hàng

Tín dụng ngân hàng phản ánh quan hệ vay mượn vốn tiền tệ giữa các ngân hàng với các chủ thể kinh tế khác nhau trong nền kinh tế (các doanh nghiệp, các cá nhân, các tổ chức xã hội và các cơ quan nhà



I- TÍN DỤNG

3- Hình thức hoạt động

c) Tín dụng ngân hàng

Ưu điểm: Ưu điểm của tín dụng ngân hàng:

- Về khối lượng tín dụng: có khả năng cung ứng những khoản vốn lớn đáp ứng đầy đủ nhu cầu vay của khách hàng.
- Về thời hạn tín dụng: tín dụng ngân hàng lại có thể “ đi vay ngắn hạn để cho vay dài hạn” chình nhờ khả năng chuyển hóa thời hạn này mà ngân hàng có thể tạo điều kiện cho nhu cầu của người tích lũy và người đầu tư được đáp ứng phù hợp.
- Về phạm vi tín dụng: Tín dụng ngân hàng có phạm vi huy động vốn cũng như cho vay rất lớn, liên quan đến các chủ thể và các lĩnh vực khác nhau trong nền kinh tế. Bởi vậy, nó thích hợp cho nhiều đối tượng vay như cho vay

I- TÍN DỤNG

3- Hình thức hoạt động

c) Tín dụng ngân hàng

Nhược điểm:

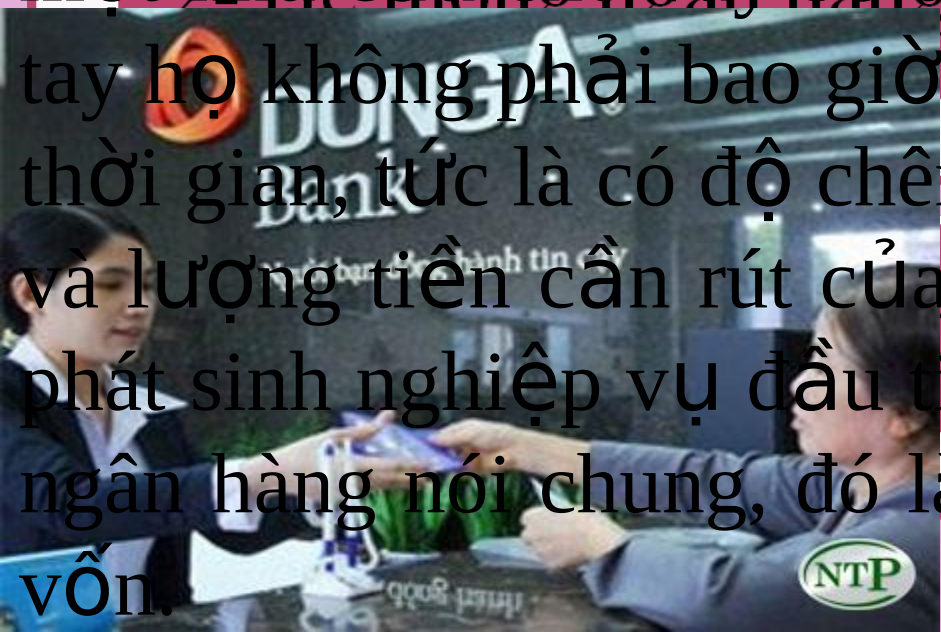
Có độ rủi ro cao. Hạn chế này cũng gắn liền với ưu điểm của tín dụng ngân hàng, do việc ngân hàng có thể vay với số tiền lớn hơn nhiều so với số vốn tự có hoặc có sự chuyển hóa thời hạn và phạm vi tín dụng rất rộng. Những khả năng về thu hồi vốn vay hoặc đầu tư vào dự án có lợi nhuận thấp có nguyên nhân cơ bản là sự lựa chọn đối nghịch hay rủi ro về đạo đức.



II- NGÂN HÀNG

1- Nguồn gốc ngân hàng

Khởi đầu là hội, phường trước đây là hội đồng người dân địa phương, giữ gìn tài sản chung của dân chúng, hàng ngày người dân nộp tiền vào quỹ để chi trả các nhu cầu chi tiêu hàng ngày của dân chúng. Dần dần, hội đồng hình thành nên một nhu cầu cho vay số tiền đó, vì lương tiền trong





II- NGÂN HÀNG

2- Hệ thống ngân hàng hiện nay

a) Ngân hàng trung ương

➤ Giai đoạn Ngân hàng thương mại phát triển trở thành ngân hàng phát hành trung ương ra đời diễn biến qua hai giai đoạn. Trước một ngân hàng thương mại nào đó chiếm một vị trí quan trọng trong hệ thống ngân hàng rồi được nhà nước giao phó nhiệm vụ phát hành tiền và trở thành ngân hàng phát hành.

➤ Giai đoạn biến ngân hàng phát hành thành ngân hàng trung ương thông qua việc nhà nước quốc hữu hóa ngân hàng.

Việc quốc hữu hóa ngân hàng phát hành đã biến ngân hàng phát hành thành sở hữu nhà nước và nhà nước đã nắm trong tay trọn vẹn bộ máy kinh tế quan trọng này để nhờ đó có thể điều tiết các hoạt động kinh tế vĩ mô.

II- NGÂN HÀNG

2- Hệ thống ngân hàng hiện nay

b) Hệ thống ngân hàng trung gian

Ngân hàng trung gian

Ngân hàng thương mại

Ngân hàng phát triển

Ngân hàng chính sách

Ngân hàng đầu tư

Các tổ chức tín dụng hợp tác



II- NGÂN HÀNG

2- Hệ thống ngân hàng hiện nay

Ngân hàng đầu tiên là ngân hàng hợp tác: Ngân hàng có vốn nhỏ, chủ yếu là người dân địa phương. Ngân hàng này không vì lợi nhuận mà phục vụ lợi ích kinh tế và sinh hoạt của người dân. Ngân hàng này theo truyền thống từ ngày xưa và hình thành ở những nơi có thể tiến hành trước tiên. Riêng ở Việt Nam có các thời kỳ chính sách vì mục đích xã hội và lợi ích kinh tế về ngân hàng. Ngân hàng này có thành viên và nhân viên bán công, không theo cơ chế quản lý và cung ứng dịch vụ như ngân hàng thương mại phát triển sản xuất kinh doanh và đời sống. Những như vậy kinh tế thiết yếu có tính chất quyết định đến sự phát triển kinh tế xã hội của quốc gia.



II- NGÂN HÀNG

2- Hệ thống ngân hàng hiện nay

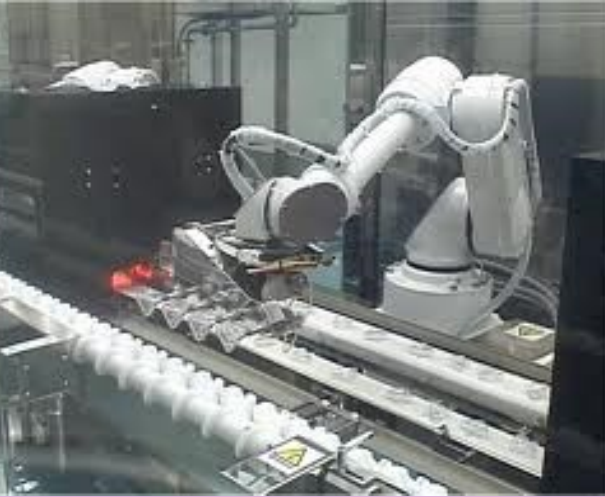
Vai trò

- Là công cụ quan trọng thúc đẩy sự phát triển của sản xuất lưu thông

hàng hóa.

- Là công cụ thực hiện chính sách tiền tệ của ngân hàng trung Ương.





II- NGÂN HÀNG

3- Chức năng của ngân hàng

a) Chức năng của ngân hàng trung Ương

Hai chức năng chính:

Chức năng của ngân hàng Quốc gia được thể hiện ở các nhiệm vụ sau:



- Ngân hàng phát hành tiền.
- Ngân hàng của các ngân hàng.
- Ngân hàng của Chính phủ.

Chức năng quản lý vĩ mô về tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng

- Xây dựng và thực hiện chính sách tiền tệ Quốc gia.
- Thanh tra, giám sát hoạt động của hệ thống ngân hàng



II- NGÂN HÀNG

3- Chức năng của ngân hàng

b) Chức năng của ngân hàng trung gian

Hai chức năng cơ bản:

- Trung gian giữa ngân hàng nhà nước với nền kinh tế
- Trung gian tài chính

